

BẢNG GIÁ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHÔNG BHYT

STT	Mã KCB	DANH MỤC CẬN LÂM SÀNG	Đơn Vị Tính	Đơn Giá	Ngày áp dụng
NỘI SOI					
1	CLS.NS.0144	Tiền mê không đau nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng kèm CLO-Test	Lần	1,100,000.	01/05/2026
2	CLS.NS.0146	Tiền mê không đau nội soi đại trực tràng	Lần	1,400,000.	01/05/2026
3	CLS.NS.0147	Nội soi hậu môn trực tràng	Lần	600,000.	01/05/2026
4	CLS.NS.0148	Tiền mê không đau nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng kèm CLO-Test + Đại trực tràng	Lần	2,300,000.	01/05/2026
5	CLS.NS.0150	Cắt trộn polyp đơn giản	Lần	2,500,000.	01/05/2026
6	CLS.NS.0151	Cắt trộn polyp khó	Lần	4,000,000.	01/05/2026
7	CLS.NS.0152	Lấy dị vật đường tiêu hóa	Lần	1,000,000.	01/05/2026
SIÊU ÂM					
14	CLS.SA.0044	Siêu âm Doppler Động mạch chi trên	Lần	320,000.	01/05/2026
15	CLS.SA.0045	Siêu âm Doppler Động Tĩnh mạch chi trên	Lần	450,000.	01/05/2026
19	CLS.SA.0049	Siêu âm dương vật	Lần	200,000.	01/05/2026
20	CLS.SA.0050	Siêu âm tinh hoàn	Lần	200,000.	01/05/2026
22	CLS.SA.756	Siêu âm thai Doppler màu	Lần	300,000.	01/05/2026
XQUANG					
23	CLS.XQ.0068	Xquang cột sống cổ [chéch 3/4 phải]	Lần	150,000.	01/05/2026
24	CLS.XQ.0069	Xquang cột sống cổ [chéch 3/4 trái]	Lần	150,000.	01/05/2026
XÉT NGHIỆM					
27	XN.HH.0163	Dàn tiêu bản máu ngoại vi (Phết máu ngoại vi)	Lần	50,000.	01/05/2026
28	XN.HH.0178	Xét nghiệm hồng cầu lưới bằng phương pháp thủ công	Lần	80,000.	01/05/2026
29	XN.HH.850	Định nhóm máu hệ Rh(D)	Lần	60,000.	01/05/2026
30	XN.MD.0255	Định lượng CRP	Lần	60,000.	01/05/2026
31	XN.MD.0271	Định lượng AMH (Anti-mullerian Hormone)	Lần	850,000.	01/05/2026
32	XN.MD.0278	Định lượng SHBG (Sex hormon binding globulin)	Lần	200,000.	01/05/2026
33	XN.MD.0344	Anti HIV (test nhanh)	Lần	150,000.	01/05/2026
34	XN.MD.0358	HP Ab test nhanh	Lần	160,000.	01/05/2026
35	XN.MD.0359	HP IgG miễn dịch tự động	Lần	120,000.	01/05/2026
36	XN.MD.667	Chlamydia Trachomastis IgM	Lần	300,000.	01/05/2026

STT	Mã KCB	DANH MỤC CẬN LÂM SÀNG	Đơn Vị Tính	Đơn Giá	Ngày áp dụng
37	XN.MD.668	Chlamydia Trachomastis IgG	Lần	300,000.	01/05/2026
38	XN.MD.0360	HP IgM miễn dịch tự động	Lần	120,000.	01/05/2026
39	XN.NT.0316	Định tính HCG trong nước tiểu bằng que thử	Lần	100,000.	01/05/2026
40	XN.NT.0330	Định tính Heroin trong nước tiểu bằng test nhanh	Lần	120,000.	01/05/2026
41	XN.PT.755	CMV Realtime PCR	Lần	1,000,000.	01/05/2026
42	XN.SH.0244	Định lượng Gastrin	Lần	300,000.	01/05/2026
43	XN.SH.613	CRP (Bán định lượng)	Lần	60,000.	01/05/2026
44	XN.VSSH.0386	HSV Realtime PCR	Lần	500,000.	01/05/2026
KHÁC					
45	CLS.TD.826	Test hơi thở C14 tìm H.Pylori	Lần	580,000.	01/05/2026
46	TT.PT.NG.0514	Cố định tạm thời bệnh nhân gãy xương	Lần	100,000.	01/05/2026
47	TT.PT.NG.0515	Tiêm bắp	Lần	30,000.	01/05/2026
48	TT.PT.NG.0516	Tiêm tĩnh mạch	Lần	50,000.	01/05/2026
49	TT.PT.NG.0517	Truyền dịch 1 chai (bao gồm thuốc)	Lần	200,000.	01/05/2026
50	TT.PT.NG.0518	Truyền dịch 2 chai (bao gồm thuốc)	Lần	300,000.	01/05/2026
51	TT.PT.NG.0519	Thở Oxy gọng kính	Lần	70,000.	01/05/2026
52	TT.PT.NG.0520	Thở Oxy < 1h	Lần	100,000.	01/05/2026
53	TT.PT.NG.0521	Thở Oxy < 2h	Lần	170,000.	01/05/2026
54	TT.PT.NG.0525	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	Lần	100,000.	01/05/2026
55	TT.PT.NG.754	Tiêm dưới da	Lần	30,000.	01/05/2026
56	TT.PT.NG.811	Cắt chỉ vết thương nhiều vị trí	Lần	500,000.	01/05/2026
57	TT.PT.PS.0568	Thay băng (vết khâu tăng sinh mô)	Lần	200,000.	01/05/2026
58	TT.PT.PS.0570	Non stresstest	Lần	250,000.	01/05/2026
59	TT.PT.TMH.0546	Chích nhọt ống tai ngoài	Lần	200,000.	01/05/2026
60	TT.PT.TMH.780	Lấy dị vật tai	Lần	300,000.	01/05/2026
61	TT.PT.TMH.781	Lấy dị vật mũi	Lần	300,000.	01/05/2026